

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Cương

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị R, sinh năm 1972. HKTT: ấp XL, xã LĐ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ cư trú: KP 3, thị trấn T11, huyện An minh, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh PC- Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972. HKTT: ấp CD, xã LĐ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ cư trú: KP 3, thị trấn T11, huyện An minh, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2017, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị R trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà và ông C cưới nhau năm 1999, từ khi cưới nhau đến nay ông bà không đăng ký kết hôn, chỉ làm đám cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống mỗi lần ông C uống rượu về là kiếm chuyện chửi mắng bà và đánh bà rất nhiều lần, bà đã cố gắng chịu đựng để ông C sửa đổi nhưng ông C vẫn không thay đổi, nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Bà và ông C có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 15/02/2000 và Nguyễn Thị QN, sinh ngày 15/4/2001, hiện nay bà đang nuôi dưỡng; ông bà không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Bà R yêu cầu được ly hôn với ông C, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con cùng bà, về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và hợp pháp của nguyên đơn bà Lý Thị R là ông Huỳnh PC trình bày: Do bà R, ông C sống chung không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; con chung có 2 đứa, đang sống chung bà R và có nguyện vọng sống với bà R nên ghi nhận; tài sản chung và nợ chung khai không có, không yêu cầu đề nghị miễn xét.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà R với ông C; con chung giao bà R nuôi, không cấp dưỡng; tài sản và nợ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông C vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị R trình bày bà và ông C cưới nhau vào năm 1999 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào năm 2015. Quá trình sống chung ông, bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy mặc dù bà R và ông C sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*”, và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay bà R có yêu cầu ly hôn với ông C, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà R với ông C.

[4] Về nuôi con chung: Bà R và ông C có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 15/02/2000 và Nguyễn Thị QN, sinh ngày 15/4/2001, hiện nay bà R đang nuôi dưỡng. Bà R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con cùng bà; ông C không thể hiện ý kiến hay phản đối gì đối với yêu cầu của bà R; đồng thời 02 con của bà R và ông C cũng thể hiện nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống với bà R sau khi bà R và ông C ly hôn. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà R nêu ra về việc giao cho bà R được tiếp tục nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, hiện nay Nguyễn Thị CL đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên HĐXX không quyết định giao cho ai nuôi dưỡng

mà chỉ giao Nguyễn Thị QN cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà R xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà R xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[7] Về án phí: Bà R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị R và ông Nguyễn Văn C.

2- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị QN, sinh ngày 15/4/2001 cho bà R tiếp tục nuôi dưỡng (hiện QN đang sống với bà R), ông C không cấp dưỡng nuôi con cùng bà R.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Đang sự không yêu cầu nên không xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị R chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số

0000482 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà R đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn bà R, vắng mặt bị đơn ông C. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-4-2018); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công